

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 01-2023/CV-TTr ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Thiên Trung về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và Văn bản số 02-2023/CV-TT ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở khai thác mỏ đá Granit Đắk Hoà, xã Đắk Hoà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 115/TTr-STNMT ngày 26 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Thiên Trung, địa chỉ tại: Thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở khai thác mỏ đá Granit Đắk Hoà, xã Đắk Hoà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án/cơ sở: Cơ sở khai thác mỏ đá Granit Đắk Hoà.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Tại xã Đắk Hoà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6400420105 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 15/5/2020 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04/7/2022.
- 1.4. Mã số thuế: 6400420105.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác đá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tại xã Đắc Hoà, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

- Quy mô: Tổng diện tích đất là 7,1633 ha, trong đó:

+ Diện tích khu vực khai trường: 5,7833 ha (khu vực khai thác 4,2533 ha, vành đai bảo vệ bờ moong 1,53 ha).

+ Diện tích khu vực sản công nghiệp và phụ trợ (khu văn phòng, bãi chứa đá khối, kho, đường nội bộ...): 0,694 ha;

+ Diện tích bãi thải ngoài: 0,686 ha.

- Công suất khai thác: 56.210 m³ đá nguyên khối/năm.

Là dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

* Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về các nội dung thẩm định và trình tại Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Thiên Trung

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng

ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT, KH&CN;
- UBND huyện Đắk Song;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty CP vật liệu xây dựng Thiên Trung;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, NNTNMT(Ha).

04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt khu văn phòng mỏ.
- Nguồn số 2: Nước tháo khô mỏ.
- Nguồn số 3: Nước làm mát lưới cưa, phát sinh khoảng 36 m³/ngày; toàn bộ lượng nước này được thu gom về hồ thu nước để lắng cặn và tái sử dụng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải

- Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên trong khu văn phòng mỏ, khoảng 2,8 m³/ngày đêm được thu gom, xử lý qua bể tự hoại và tự thấm tại giếng thấm bên trong khu vực văn phòng.
- Dòng nước tháo khô mỏ được bơm cưỡng bức trực tiếp ra hồ lắng ngang trên nương hở thoát nước bằng đất, nước tháo khô mỏ được lắng cặn và các chất lơ lửng tại hồ lắng ngang, sau đó theo nương hở xả ra suối nhỏ phía Tây Bắc mỏ.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối nhỏ phía Tây Bắc mỏ tại xã Đắk Hoà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

2.3. Vị trí xả nước thải:

Tại vị trí nước tháo khô mỏ sau xử lý xả vào nguồn tiếp nhận (suối nhỏ phía Tây Bắc mỏ) tại xã Đắk Hoà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1357413; Y= 410501 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 180⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Tính cho ngày mưa lớn nhất thì tổng lượng nước tháo khô mỏ phát sinh khoảng 849,6 m³/ngày.đêm. Do đó lưu lượng xả nước tháo khô mỏ sau xử lý lớn nhất: 849,6 m³/ngày.đêm, tương đương 35,4 m³/giờ.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Xả thải gián đoạn, phụ thuộc vào chế độ bơm thoát nước mỏ.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B,

$k_q=0,9$; $k_r=1,0$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	50
3	TSS	mg/l	100
4	Sắt (Fe)	mg/l	5
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
6	Tổng Coliforms	Vi khuẩn/100ml	5.000

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc định kỳ nước thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:

Nước tháo khô mỏ được bơm cưỡng bức trực tiếp ra hố lắng trên mương hở thoát nước bằng đất, nước tháo khô mỏ được lắng cặn và các chất lơ lửng tại hố lắng, sau đó theo mương hở tự chảy và xả ra suối nhỏ phía Tây Bắc mỏ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước tháo khô mỏ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước tháo khô mỏ → Hố lắng ngang → mương thoát nước → Hố lắng ngang → mương thoát nước → nguồn tiếp nhận (suối).

- Các công trình, thiết bị xử lý nước thải: 40m ống dẫn nước D150; 02 hố lắng ngang: kết cấu bằng đất, kích thước mỗi hố 4m x 2m x 2m; 120m mương thoát nước bằng đất.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống và kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát nước, hố lắng... phòng ngừa tắc nghẽn công trình thu gom, thoát nước vào ngày mưa.

- Trường hợp các công trình thu gom xử lý nước tháo khô mỏ (hố lắng ngang) xảy ra sự cố chưa thể khắc phục ngay, thì nước tháo khô mỏ sẽ tạm thời lưu tại hố thu nước tại đáy moong khai thác để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi cúp điện – máy phát điện dự phòng hoạt động).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí trên ống khói của máy phát điện dự phòng sau khi qua bộ phận thanh lọc khí thải, đạt quy chuẩn Việt Nam trước khi thải ra môi trường thuộc khu vực dự án tại xã Đắk Hoà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Toạ độ vị trí xả khí thải: X= 1357313; Y= 410422 (Toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $180^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 51,12 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói (cao 2m), gián đoạn vào những thời điểm máy phát điện dự phòng hoạt động.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số $K_p = 1,0$, $K_v = 1,2$, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ($K_p=1,0$; $K_v = 1,2$)
1	Bụi	mg/m ³	200
2	SO ₂	mg/m ³	500
3	NO _x	mg/m ³	850
4	CO	mg/m ³	1.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được xử lý bộ phận thanh lọc khí thải của máy và được xả ra môi trường



qua ống khói.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng → bộ phận thanh lọc khí thải → Ống khói → Xả ra môi trường.

- Công suất thiết kế: máy phát điện 250 KVA; lưu lượng xả khí thải tối đa 51,12 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: dầu DO (0,05%S).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, bộ phận thanh lọc khí thải và ống khói, đảm bảo khả năng xử lý và thoát khí thải, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng Thiên Trung chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND
 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh và vị trí tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: phát sinh từ hoạt động khai thác tại khu vực khai trường (hoạt động của máy móc, thiết bị, khai thác, vận chuyển, nổ mìn...).

- Nguồn số 2: phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Các nguồn phát sinh đều là nguồn phân tán hoặc di động thuộc khu vực dự án tại xã Đắk Hoà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	≤ 70	55	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh máy móc, thiết bị...) đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách, có đệm chống ồn và chân kê cố định chống rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. /./

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND
ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	20
Giẻ lau dính dầu, nhớt thải	18 02 01	Rắn	20
Khối lượng			40

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh như: Đất bóc tầng phủ các năm khai thác là 779.200 m³.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 8,4 kg/ngày tương đương 2.352 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy và dán nhãn.

- Diện tích kho lưu chứa: 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kết cấu nhà kho có chiều cao 2m, tường và mái lợp tole, nền nhà kho đổ bê tông dày 20cm và láng xi măng. Kho lưu chứa chất thải nguy hại có biển cảnh báo và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Đất bóc tầng phủ dùng để tu sửa đường nội mỏ, san lấp mặt bằng trong mỏ, đắp đập hai bờ suối và tu sửa đường khoảng 85.380m³. Khối lượng đất đá thải còn lại khoảng 693.820m³ sẽ được đổ thải tại khu vực bãi thải ngoài có diện tích 0,686 ha nằm ở phía Tây khu mỏ và đáy moong khai thác đạt cote kết thúc.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí các thùng chứa rác trong khu vực văn phòng và tự xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh bằng biện pháp chôn lấp trong khu vực dự án.

- Thiết kế, cấu tạo: 02 thùng rác 60 lít và 01 hố chôn lấp rác thải sinh hoạt có diện tích 10m². Rác thải sinh hoạt chôn tại hố chôn lấp sẽ được rải một lớp đất mỏng phủ theo định kỳ 1 tuần/lần để tránh ruồi muỗi, mùi hôi phát sinh.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 16 /GPMT-UBND
ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Cải tạo, phục hồi môi trường

Tổng diện tích thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường là: 7,1633 ha (trong đó: diện tích khu vực khai thác là 4,2533 ha; vành đai bảo vệ bờ moong 1,53 ha; diện tích khu vực sân công nghiệp và phụ trợ là 0,694 ha và diện tích khu vực bãi thải là 0,686 ha).

2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Thực hiện theo đúng nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường dự án khai thác mỏ đá Granit Đắk Hoà, xã Đắk Hoà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông; công suất 56.210,16 m³ đá nguyên khối/năm.

3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng số tiền phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông là: 2.971.000.000 đồng (*Hai tỷ, chín trăm bảy mươi một triệu đồng chẵn*), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Chủ dự án đã thực hiện 08 lần (trong tổng số 30 lần) ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh Đắk Nông số tiền đã bao gồm yếu tố trượt giá là 1.135.482.895 đồng (*Một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi lăm đồng*); số tiền chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 1.055.217.241 đồng (*Một tỷ, không trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm mười bảy nghìn, hai trăm bốn mươi một đồng*).

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ chưa bao gồm yếu tố trượt giá là 1.915.782.759 đồng (*Một tỷ, chín trăm mười lăm triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi chín đồng*).

- Thực hiện ký quỹ như sau:

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 05/GP-UBND ngày 21/3/2023 và Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 05/GP-UBND ngày 21/03/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông, thời gian khai thác của cơ sở đến ngày 07/5/2042, do đó:

+ Số lần ký quỹ còn lại: 19 lần.

+ Số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023) trong các

năm tiếp theo là: $1.915.782.759 : 19 = 100.830.672$ đồng (Một trăm triệu, tám trăm ba mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi hai đồng).

+ Thời điểm ký quỹ: Không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

+ Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường và Phát triển đất tỉnh Đắk Nông.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện giám sát, cảnh báo, đảm bảo an toàn đối với khu vực khai trường, bãi thải đất đá mỏ.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

6. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép./.
